

DANH MỤC VẬT TƯ, HÓA CHẤT GIẢI PHẪU BỆNH NĂM 2024

(Kèm theo thư mời báo giá số: /BVT-VT-TBYT ngày tháng 4 năm 2024 của Phòng VT-TBYT Bệnh viện đa khoa Tỉnh Lào Cai)

STT	Tên/ chủng loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Đĩa nhựa petri 9 cm	Đĩa nhựa petri 9 cm dùng trong nuôi cấy tế bào. Kích thước: 90mm x 15mm.	Chiếc	1.000
2	Dung dịch pha loãng kháng thể/Antibody Diluent OP Quanto	Chất ức chế protein miễn dịch / Chất pha loãng kháng thể chứa TBST, pH 7,6, với albumin huyết thanh bò và được bảo quản bằng natri azide như một chất chống vi khuẩn. Nó được cung cấp ở dạng lỏng sẵn sàng để sử dụng. ISO 13485	Lọ	5
3	Kháng thể CD56 0.1ml	CD56 là kháng thể đơn dòng của chuột có nguồn gốc từ dịch nổi nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:250-1:1000. ISO 13485	Lọ	5
4	Chất xử lý tế bào (Clear-Rite 3)	Chủng loại: Clear-rite 3 - Loại bỏ chất béo tuyệt đối trong xử lý mô. - Không làm cho mẫu bị khô cứng khi phơi nhiễm kéo dài - Sử dụng được cho tất cả các máy xử lý mô và máy nhuộm tự động - Không benzene. - Rất ít mùi. ISO 13485	Can	20
5	Cồn tuyệt đối	Cồn y tế tuyệt đối với thành phần chính là Ethanol 99%	Chai	400

6	Kháng thể Cytokeratin5&6 (CK5/6) 0.1ml	Cytokeratin 5 & 6 là kháng thể đơn dòng của thỏ dùng cho hóa mô miễn dịch có nguồn gốc từ chất nổi trên bề mặt nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:50-1:200. ISO 13485	Lọ	5
7	Kháng thể Chromogranin A	Chromogranin A là một kháng thể đơn dòng của chuột có nguồn gốc từ dịch nổi nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:250-1:1000. ISO 13485	Lọ	5
8	Dung dịch cắt lạnh	Hóa chất dạng lỏng nhớt, màu trong đến vàng nhạt, mùi cồn nhẹ, tan trong nước. Sử dụng cho sự chuẩn bị các mẫu bệnh phẩm đông lạnh - Thành phần gồm có: - Polyvinyl Alcohol: 5-15% - Polyethylene Glycol: 1-10% - Các thành phần không gây kích ứng: 75-95%. ISO 13485	Chai	5
9	Đầu pipet size 20-200 µl	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm dung tích từ 20ul-200ul làm bằng nhựa, được khử trùng bằng khí EO. ISO 9001	Cái	1.000

10	Chất nhuộm tế bào (1)	Dung dịch nhuộm EA-50 tế bào chất cho phương pháp Papanicolaou. - Kết quả nhuộm: Hạt nhân: Xanh tím Tế bào chất của Cyanophil : Xanh lục Tế bào chất của bạch cầu ái toan: Màu hồng Tế bào chất bị sùng hóa: Từ hồng đến cam - Thành phần: Eosin Y Certified - CI 45380, Light green - CI 42095, Phosphotungstic acid, Ethanol 95° Quy cách đóng gói: 1000 ml/Chai. ISO 13485	Chai	3
11	Chất nhuộm tế bào (2)	Hóa chất chuyên dùng để nhuộm cho các qui trình nhuộm mô tế bào, dùng trong hóa mô và giải phẫu bệnh. Thành phần Eosin bột 10-15%. ISO 13485	Hộp	1
12	Kháng thể Estrogen Receptor	Estrogen Receptor là một kháng thể đơn dòng của thỏ dùng cho hóa mô miễn dịch có nguồn gốc từ chất nổi trên bề mặt nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:50-1:200. ISO 13485	Lọ	5
13	Foormol	Dung dịch foormol 37-40%; dùng cho giải phẫu bệnh học và bảo quản bệnh phẩm.	Chai	200
14	Giemsa nhuộm tiêu bản	Dung dịch nhuộm tiêu bản, giemsa dùng cho nhuộm vi sinh vật; Thành phần: Methanol 25%. ISO 9001	Chai	5

15	Chất nhuộm tế bào (3)	Dung dịch hematoxylin dùng để nhuộm nhân tế bào được sử dụng phổ biến trong giải phẫu bệnh, nghiên cứu mô học và tế bào. Thành phần: + Hematoxylin B: 46.8 g/lọ + Hematoxylin A: 53.6 g/lọ. ISO 13485	Hộp	2
16	Kháng thể Her2/Neu	HER-2 neu là một kháng thể đơn dòng của thỏ dùng cho hóa mô miễn dịch có nguồn gốc từ chất nổi trên bề mặt nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:50-1:200. ISO 13485	Lọ	2
17	Chất nhuộm tế bào (4)	- Dung dịch nhuộm Schiff – schiff reagent: chai 500ml; Sử dụng trong phản ứng tiêu chuẩn Acid-Schiff (PAS) cho chất nhầy trung tính, glycogen, màng đáy và thành tế bào nấm. Một kết quả dương tính tạo ra màu đỏ / đỏ hồng sáng. - Dung dịch Acid periodic 1% hoặc 0.5%: chai 500ml; Dung dịch Acid periodic 1%; 0.5% được sử dụng để oxy hóa các yếu tố mô phản ứng thành aldehyd trước khi xử lý bằng thuốc thử Schiff. - Dung dịch thuốc nhuộm Hematoxylin harris: Chai 500ml. ISO 13485	Bộ	5

18	Dung dịch xịt lạnh nhanh bệnh phẩm (Dùng cho cắt lạnh)	<p>- Làm đông băng nhanh chóng các mẫu mô tươi hoặc các mẫu bệnh phẩm đã vùi parafin sử dụng cho cắt thường và cắt lạnh. làm lạnh đến -60°F (-51.1° C), không có dư lượng và không chứa CFC, hoặc HCFC an toàn cho tầng Ozone. Có vòi xịt được gắn theo hộp để dễ dàng định vị phun lên các khối và mô tươi.</p> <p>- Tính chất vật lý: Ngoại hình & Mùi: Khí hóa lỏng trong suốt, không màu, có mùi thanh tao nhẹ. Phạm vi / Điểm sôi ban đầu: -13 °F Điểm chớp cháy (Phương pháp): -58 °F (Ước tính) Tỷ lệ bay hơi: > 1 (Ethyl Ether = 1,0) Giới hạn nổ dưới: 3,9% (vol.) Giới Hạn Nổ Trên: 16.6% (vol.) Áp suất hơi @ 70 °F: 62,5 PSIG Mật độ hơi (không khí = 1,00): 2,4 Khối lượng riêng (H2O = 1,00): 0,909 Độ hòa tan trong nước @ 70 °F: 0,28 % Phần trăm dễ bay hơi theo khối lượng: 100% Nhiệt độ tự bốc cháy: 849 °F - Thành phần gồm có: 1,1-Difluoroethane, liquefied, under pressure 100%. - Qui cách: 300ml (10oz)/ lọ'. ISO 13485</p>	Lọ	3
19	Dung dịch rửa nồng độ 20X	Thành phần: Dung dịch chứa chất tẩy rửa Tween 20 không chứa chất bảo quản sodium azide. Tỷ lệ pha loãng 1:20. ISO 13485	Lọ	5

20	Kháng thể Ki-67	Ki-67 là kháng thể đơn dòng của thỏ dùng cho hóa mô miễn dịch có nguồn gốc từ chất nổi trên bề mặt nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. ISO 13485	Lọ	5
21	Lam kính hóa mô miễn dịch	Phiên kính hiển vi tích điện dương, cạnh đất 90°, góc cắt 45°, sạch và khử chất béo, trong suốt. Dùng cho nhuộm IHC thủ công, nhuộm IHC tự động với máy nhuộm tự động. Lý tưởng để sử dụng trong nhuộm H&E cho các phần thông thường và phần đông lạnh như phần mỡ, phần não và phần xương cần độ bám dính mạnh hơn. Kích thước: (25-25,5) mm x (75-75,5) mm, độ dày 1 – 1,1 mm. Chỉ số khúc xạ: 1.513 – 1.523 (measured between $\lambda = 546.07$ nm and $\lambda = 643.85$ nm). ISO 13485	Cái	432
22	Lam kính mài	Nguyên vật liệu: Kính soda vôi đạt chuẩn Độ dày: 1.0-1.2 mm Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1" x 3") ± 1 mm. ISO 9001	Hộp	500
23	Lam kính tích điện	- Lam kính tích điện dương. Bề mặt của các lam kính hiển vi được phủ một lớp kết dính vĩnh viễn có công thức đặc biệt giúp liên kết các phần mô với kính. - Bề mặt chống nước và có khả năng chống lại tất cả các hóa chất thông thường - Có thể đánh dấu bằng hệ thống ghi nhận thông thường. - Ứng dụng: Dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch (IHC). - Kích thước: 25,0mm × 75,0mm Độ dày: 1,0 mm. ISO 13485	Hộp	30

24	Lithium carbonate	Dung dịch lithium carbonat dùng trong hóa mô bệnh học. ISO 9001	Chai	1
25	Miếng xốp chuyên bệnh phẩm sinh thiết	Bột polyurethane đảm bảo khả năng kháng dung môi cao và cấu trúc của nó với các ô mở cho phép chất lỏng (rượu, dung môi và paraffin) dễ chuyển an toàn qua mô trong quá trình xử lý. Bộ lọc có thể được hấp khử trùng (Nhiệt độ tối đa: 134°C). Để khử trùng, nhiệt độ 121 ° C là đủ. Chất liệu: Polyester - polyurethane foam (Moltopren), kích thước: 25 x 30 mm, độ dày: 2 mm. ISO 13485	Túi	1
26	Bộ kháng thể 2 và chỉ thị màu	Mouse/Rabbit PolyDetector Plus DAB HRP Brown chứa chất chặn peroxidase, liên kết chống chuột/thỏ, nhãn Fab HRP, bộ đệm DAB và dung dịch nhuộm sắc DAB. Tất cả các thành phần đều được đệm bằng chất ổn định và chất chống vi khuẩn. ISO 13485	Bộ	1
27	Chất gắn cố định tế bào (Mounting Medium)	Tinh khiết mức độ phân tích $\geq 99\%$, dùng trong giải phẫu bệnh và huyết học - Thành phần bao gồm có: Toluene: 64 - 66%, nhựa Acrylic: 34-36% - Điểm sôi: 42.4 - Điểm đóng băng: - 139°C - Trọng lượng riêng/mật độ: 0.943 ở 21°C - Mật độ: 0,94-0,97 g / L. ISO 13485	Chai	5
28	Kháng thể Napsin A	Napsin A là một kháng thể đơn dòng của chuột có nguồn gốc từ dịch nội nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:100-1:500. ISO 13485	Lọ	5

29	Formol đậm trung tính 10%	Formaldehyde: 3.5 - 4%, Nước tinh khiết: 94 - 95 %,Methyl alcohol: 1.2 %,Sodium phosphate dibasic: < 1% ,Sodium phosphate, monobasic: < 1% ,Độ PH: 7. Dùng trong cố định các mẫu sinh thiết và các mẫu bệnh phẩm mô để bảo tồn kháng nguyên trong mô. ISO 13485	Can	30
30	Chất gắn, cố định tế bào	- Dùng để vùi mẫu bệnh phẩm, cho xét nghiệm mô bệnh học. Sáp có công thức đặc biệt không chứa polymer nhưng vẫn đủ ổn định để sử dụng trong thẩm và nhuộm. Nhiệt độ nóng chảy 55-57 °C. - Thành phần gồm có: paraffin waxes and hydrocarbon waxes (78 - 80%), 2,6-di-tert-butyl-p-cresol (14-16%), microcrystalline (4-5%). ISO 13485	Túi	100
31	Dung dịch nhuộm tiêu bản dùng cho giải phẫu bệnh	Sản phẩm để chuẩn bị: bệnh phẩm phụ khoa, tế bào học nước tiểu, bệnh phẩm kim nhỏ, đờm và dịch rửa phế quản, để kiểm tra bằng kính hiển vi quang học. Nhuộm tế bào chất cho các tế bào sừng hóa trong phương pháp Papanicolaou. Thành phần: Orange G, Phosphotungstic acid, Ethanol 95°, Deionized water... Quy cách đóng gói: 1000 ml/Chai. ISO 13485	Chai	2
32	Kháng thể p40	p40 là một kháng thể đơn dòng của thỏ dùng cho hóa mô miễn dịch có nguồn gốc từ chất nổi trên bề mặt nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:50-1:200. ISO 13485	Lọ	5

33	Kháng thể p63	p63 là một kháng thể đơn dòng của thỏ dùng cho hóa mô miễn dịch có nguồn gốc từ chất nổi trên bề mặt nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:50-1:200. ISO 13485	Lọ	5
34	Kháng thể Progesterone Receptor (PR)	Progesterone Receptor (PR) là một kháng thể đơn dòng của thỏ dùng cho hóa mô miễn dịch có nguồn gốc từ chất nổi trên bề mặt nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:50-1:200. ISO 13485	Lọ	1
35	Kháng thể S-100	S-100 là kháng thể đơn dòng của chuột có nguồn gốc từ dịch nổi nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:100-1:500. ISO 13485	Lọ	5
36	Kháng thể Synaptophysin	S-100 là kháng thể đơn dòng của chuột có nguồn gốc từ dịch nổi nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:100-1:500. ISO 13485	Lọ	5
37	Toluen	Dạng dung dịch Không màu, trong suốt - Thành phần gồm có: C ₈ H ₁₀ , hàm lượng >=99% Quy cash đóng gói: 500 ml/Chai	Chai	200

38	Kháng thể TTF-1	TTF-1 là kháng thể đơn dòng của chuột có nguồn gốc từ dịch nổi nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:250-1:1000. ISO 13485	Lọ	5
39	Cytokeratin 7 (CK7) 0.1 ml	Cytokeratin 7 là một kháng thể đơn dòng của chuột có nguồn gốc từ dịch nổi nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:100-1:500. ISO 13485	Lọ	2
40	CK 0.1 ml	Kháng thể Cytokeratin Cocktail AE1/AE3 là hỗn hợp kháng thể đơn dòng của chuột có nguồn gốc từ chất nổi trên bề mặt nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:100-1:500. ISO 13485	Lọ	2
41	GCDFP 15 0.1 ml	GCDFP-15 là kháng thể đơn dòng của chuột có nguồn gốc từ dịch nổi nuôi cấy tế bào được cô đặc, thẩm tách, lọc khử trùng và pha loãng trong dung dịch đệm pH 7,5, chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản. Tỷ lệ pha loãng 1:100-1:500. ISO 13485	Lọ	2
42	Tem in nhãn loại to	Tương thích với máy nhuộm hóa mô Autostainer 360, kích thước 22.2 mm x 22.2 mm. ISO 9001	Cuộn	2
43	Tem in nhãn loại nhỏ	Tương thích với máy nhuộm hóa mô Autostainer 360, kích thước 1.3 mm x 1.9 mm. ISO 9001	Cuộn	2
44	Mực in nhiệt	Tương thích với máy nhuộm hóa mô Autostainer 360, kích thước 3.3 inch. ISO 9001	Cuộn	2

45	Bút mỡ	Sử dụng cho nhuộm hóa mô miễn dịch.	Cái	1
46	Khay ủ	Sử dụng cho nhuộm hóa mô miễn dịch, vị trí nhuộm 10 slide, chất liệu nhựa ABS. ISO 9001	Cái	1
47	Acid H ₂ SO ₄	Có công thức phân tử H ₂ SO ₄ . Nó là một chất lỏng không màu, không mùi và sánh, hòa tan trong nước.	Chai	1
48	Acid HCL	Công thức: HCl	Chai	1